

TỔ CHỨC VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ "GIÁM SÁT VÀ PHẢN BIỆN XÃ HỘI" CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ (Tiếp theo và hết)

VĂN TẠO*

3. Thực hiện giám sát và phản biện

Triều Nguyễn, nhiệm vụ giám sát, phản biện được thi hành nghiêm ngặt nhưng hiệu quả không cao. Thiêm sự Bộ Lễ là Nguyễn Đăng Tuấn dâng sớ tâu 6 điều về xây dựng tổ chức giám sát, phản biện:

"1. *Đặt Viện Ngự sử*: Xin chọn văn võ trọng thần kiêm chức đài Hiến sử, ở trong thì dần hặc sửa chữa trăm quan để khiến gắng sức siêng năng, ngoài thì cử sát các châu huyện để răn sự gian tham những lạm.

2. *Đặt Thái phó phủ sử*: Xin chọn quan Kinh, người nào thanh liêm, trung trực, đứng đắn, trong sạch thì sai đi khắp các châu quận, xét chiến tích, xem tình dân để nghiệm xem các thủ thần giỏi hay không, và để thấu suốt lợi, bệnh của tiểu dân (đây là chức quan mới mà các triều đại trước chưa đặt ra-VT).

3. *Bớt những viên chức thừa đi*: Nói rằng cần thận chọn bề tôi nho học làm tri huyện, mà chỉ giao cho làm 1 việc giấy tờ kiện tụng, còn việc tiền thóc binh lương vẫn ủy thác tất cả cho cai huyện, ký huyện... Nếu một người không làm nổi thì đặt hai người để cho họ phát triển nhiều sở học rồi mới trách được việc phục vụ nhân dân.

4. *Đặt nhà học ở dinh trấn, châu huyện*:

Xin chọn những bậc lão sư túc nho làm trợ giáo. Phàm học trò trước hết phải đến châu huyện học tập, trợ giáo phải xét tài năng khí độ mà dạy. Khi đã hơi thông kinh sách và biết làm văn thì cho đến dinh trấn để đốc học dạy. Thường khảo xét người nào trúng cách thì cử lên Thái học cho Giám đốc học khảo duyệt bài lại mà tâu lên... Người nào kinh thuật rộng khắp, học hạnh thuần đủ cho làm sinh viên, cấp cho lương ăn mà học tập, để đợi lựa dụng.

5. *Mở khoa ân thi*: Nói rằng hiện nay đang cử hành ân chính, thiên hạ đều được nhờ ơn... Xin sang năm mở ân khoa như điển lệ nước đại Thanh.

6. *Cử hành ân tự*: Trước kia Thế Tổ Cao Hoàng đế đắp thành vàng, mở đường sá, những phần mộ hoang phế đều để ý thương xót... Hàng năm một lần hội tế... Nay nhà vua là chủ bách thần, thần kỳ lớn nhỏ đều được nhờ ơn, duy những cô hồn không người thờ cúng thì chưa kịp thương đến. Đời xưa có nói rằng: "Ma quỷ không có chỗ nương tựa thì làm dịch lệ". Xin định làm lệ tế...

Vua sai đình thần bàn để lần lượt thi hành" (65).

* GS. Viện Sử học

3.1. Thực hiện theo lời tâu trình, phản biện kể trên

Bắt đầu đặt Thông chính sứ. Chuẩn cho đình thần bàn định về quan chức, thuộc chức và chức vụ, rồi cho thi hành:

“1. Về quan và thuộc viên: 1 Thông chính sứ, 1 thống chính phó sứ, 1 viên ngoại lang, 1 chủ sự, 1 tư vụ, bát, cửu phẩm thư lại mỗi thứ 2 người, vị nhập lưu thư lại 15 người.

2. Chức vụ: Tiếp nhận các tấu sớ, sổ sách các nơi đệ trình.

3. Mỗi ngày cử 1 viên thuộc ty đến cùng với phái viên của Ty Tam pháp phái đến ứng trực ở công đường. Hễ có ai đánh trống Đẳng Văn kêu việc gì, đơn kiện thì do Ty Tam pháp nhận xét, nhưng thuộc viên ứng trực cũng đăng ký ngay những đơn ấy để trình Công chánh được lưu chiếu. Nếu Tam pháp ty im đi hay để chậm trễ không xét đơn thì tham hặc.

4. Về việc vào ứng trực, thì các dân thông chánh xứ cũng theo lệ các đường quan ở bộ và viện mà lần lượt vào trực. Các thuộc viên như: Viên Ngoại lang, chủ sự, tư vụ, mỗi hạng mỗi ngày 1 người luân lưu theo ban và ứng trực, cũng phải theo lệ dân thể bài như các nha môn.

5. Trong các hội nghị của đình thần, viên thông chính sứ cũng được dự.

6. Tiên công nhu, cũng theo như Thái thường tự và Quang lập tự mỗi năm cấp 50 quan.

7. Ấn triện, ấn quan phòng, thẻ bài, dinh thự, phòng, trại đều do ty tiếp tục ứng làm” (66).

3.2. Quy định tổ chức và nhiệm vụ thanh tra

Qua những lời tâu về tổ chức giám sát, phản biện: Định lại lệ thưởng thanh tra: Những nhân viên được xưng làm thanh tra,

đều chiếu theo phẩm, cấp theo gấp bội số tiền và gạo.

Thanh tra công việc đo lường và dong lường ở các địa phương.

Thanh tra công việc kiểm kê và đo đạc ở các địa phương.

Về chức thanh tra các địa phương, thường phái thất, bát phẩm đi làm, nên chuẩn định: Từ nay đến khóa thanh tra 6 năm thì phái quan Kinh Tam phẩm hoặc Bố chính, Ấn sát hạt khác; khóa thanh tra 3 năm thì phái quan Kinh Tứ phẩm hoặc các biên khoa đạo. Tất cả đều do bộ tâu xin trước kỳ hạn để chia đi làm việc (67). Vua nói: “Viện đô sát giữ chức dài hiến, có quan hệ đến phong hóa kỷ cương, trăm nghe khoa đạo ở Bắc triều (Trung Quốc) đều có chức Trưởng Ấn, mỗi khoa, đạo đều có 5, 6 người, nay chuẩn cho trước hết đặt thêm mỗi khoa đều 1 chức Trưởng Ấn cấp sự chung để làm cấp bậc thăng chuyển... Cấp mũ áo ngũ phẩm cho quan khoa đạo viện Đô sát; Ngự sử các đạo 17 người...

Vua ưu đãi chức ngôn quan, đặc cách cấp cho như trên. Lại chuẩn cho mũ châu của viện trưởng và trưởng ấn ở 6 khoa... đều thêm 2 miếng sừng bịt bạc ở trên cầu mũ, gọi là mũ giải trãi, để hợp với ý nghĩa con giải trãi chỉ húc kẻ gian tà... (68).

3.3. Kỷ luật đối với việc đề cử, tiến cử sai lầm

Chuẩn định từ nay, phạm các nha chọn người xưng làm chủ thủ phủ Nội vụ, gián hoặc có lỗi nhỏ tầm thường, thì người tiến cử được miễn nghị; nếu có ai lười biếng chơi bời và kém cỏi, bị viên giám lâm xét hặc thì viên tiến cử bị xử tội sơ suất, phạt lương 6 tháng; cứ mỗi người lại ra tội một bậc, nếu người ấy phạm tội bớt xén, trộm cắp viên tiến cử phải xử theo luật nặng “bất ưng vi” (không nên làm mà làm) (69).

3.4. Phan Thanh Giản dâng sớ lên Tự Đức phản biện về tổ chức bộ máy

"... Chúng tôi thiết nghĩ: Muốn cho nước khỏi sôi rào, không gì bằng rút bớt củi ra; muốn cứu chữa mối tệ, không gì bằng bớt việc; làm nên trị bình cốt phải thực tế, muốn làm được việc cốt phải có người giỏi. Chỉ mong hoàng thượng tóm giữ đại cương, giữ việc chí yếu, kén chọn người tài năng, bỏ làm quan chức, tùy tài lựa dùng... Việc cắt nhắc tất phải khoan rộng về tư cách, mà lấy người có tài cán kham nổi được việc; việc trừng phạt phải nghiêm khắc với kẻ lừa dối xảo trá, mà khoan tha cho sự sơ suất nhầm lẫn, việc tra xét để tỏ ra cùng ràng buộc lẫn nhau, nhưng không nên quá về câu nệ bó buộc... Như vậy, sẽ thấy thời khí điều hòa vui vẻ, vật thịnh nhiều, năm được mùa, dần dần rồi sự đau khổ mất đi, người được tươi tỉnh lại mà kế sách của nước ngày đến giàu mạnh..."

Tờ sớ dâng lên, vua phê bảo rằng: "Đồ đều nói tóm tắt về đạo lý lớn, nhưng chưa có thực khoản để thi hành..." (70).

3.5. Tả Phó đô Ngự sử Viện Đô sát là Hà Huy Phiên tâu về việc trị an

"Trước kia, Nguyễn Công Trứ dâng sớ kín tâu xin: "Phàm trong tổng xã nào có kẻ chứa chấp giặc trốn, bắt người đòi chuộc mà các tổng trưởng, lý trưởng và hương trưởng biết rõ, nhưng không tố giác thì đều phải xử tử. Việc đó đã được bàn xét và chuẩn cho thủ làm ở tỉnh Nam Định 3 năm nay. Đến bây giờ đã 6 năm rồi, thế mà quan sở tại và quan Bộ Hình vẫn không phúc tâu, còn cứ theo thế xử đoán, thực e quá nặng"

Vua dụ nội các rằng: "Đường lối làm chính trị cốt phải khoan hòa nhân hậu chẳng nên dùng nghiêm khắc; duy có việc răn kẻ gian, phạt kẻ ác thì buộc phải lấy hình phạt để giúp chính sự khoan nhân" (71)

3.6. Sớ tâu về việc các quan lại che dấu giặc cướp, cường hào chiếm đất

Năm 1842, Nguyễn Cư Sĩ dâng sớ tâu: "Các quan thường che giấu giặc cướp, tri phủ Doan Hùng, Phạm Khắc Túy lại nuôi giặc cướp để làm mất trọng án di". Năm 1849, Trần Văn Ý tâu: "Quan lại Nghệ An dấu cướp và những nhiễu; Tổng Võ Liệt, một tháng cuối hè, có 4 đám cướp, có đốt phá giết người. Năm 1852, Hình bộ Thượng thư Đặng Văn Thiêm đi thanh tra tỉnh Bình Định về tâu: "Trước kia định lệ quân điền, cứ 10 mẫu thì 5 mẫu làm công, năm 5 mẫu làm tư. Nhưng ruộng công màu mỡ thì cường hào chiếm, còn thửa chỗ nào thì hương lý chiếm, dân chỉ được phần xương xẩu" (72).

3.7. Dinh điền sứ Nguyễn Công Trứ dâng sớ tâu về trị an và khẩn hoang

- Lập phép nghiêm cấm để trừ dứt bọn trộm cướp.

- Minh việc thưởng phạt để khuyến khích quan lại.

- Võ ruộng hoang cho dân nghèo (73).

Xin trừ cái tệ cường hào về chiếm đoạt ruộng đất... từ trước đến nay những người bàn việc đều đổ lỗi cho quan lại mà không biết phần nhiều là tại cường hào... Nó làm con người ta thành bồ côi, vợ người ta thành góa bụa, giết cả tính mạng của người ta, hết cả gia tài của người ta, mà việc không lộ, cho nên cứ công nhiên không kiêng sợ gì... Thậm chí chúng còn ẩn lậu đinh điền, ruộng đến nghìn mẫu không nộp thuế, dinh đến trăm suất không đăng sổ chỉ phục riêng cho bọn cường hào. Nay xin trích lấy một vài người đưa ra pháp luật, và bãi lệ thuê mượn ruộng đất công (74).

3.8. Bộ Công tâu về sử dụng ngôn ngữ Hán, Việt

“Đồ vật để dùng, không gọi tên thì không rõ. Nước ta việc kiến trúc điện đường, tàu thuyền, vật kiện không chỉ 1, 2 thứ, từ trước đến nay vẫn gọi bằng tiếng Nôm. Vâng hoàng thượng ta nhân việc đặt tên chữ Hán, thí dụ: Lương tâm (lòng rường), thừa lựu (máng nước), long tu (râu rồng)... Theo ý đặt tên đủ cho đương thời thông hành, ngày sau noi theo. Nay xin tóm lấy đại lược, rộng tìm chữ cũ phụ lấy ý thường. Hoặc dùng lối hội ý, hoặc dùng lối hài thanh, phàm tên cũ các đồ vật có quẻ mùa thì đổi đi (như *tránh* đổi làm *lương*, *xuyên* đổi làm *chấn*, *châu mai* đổi làm *bác môn*, *đường giang* đổi làm *hoành giang*)”. Vua y lời tâu (Như vậy, vua quan nhà Nguyễn coi nhẹ chữ Nôm, thích dùng chữ Hán - VT) (75).

3.9. Nhân dân đánh trống Đẳng Văn kêu lên nhưng bị vua trách phạt

Dân Thừa Thiên có người bị quan Kinh Doãn đánh đòn, bèn đánh trống Đẳng Văn để kêu. Vua nghe biết, bảo thị thần rằng: “Đặt ra trống Đẳng Văn cốt để những người không có chỗ kêu để thân oan, thế mà từ trước đến nay những kẻ đến kêu chỉ là những việc nhỏ nhặt trong làng xóm. Nay kẻ này tức giận vì bị trách phạt, dám đánh trống để kêu nhảm, thì cái thói gian ngoan tệ bạc lại càng quá lắm! Có lẽ vì dân tục ngày một kiêu bạc mà đến thế chẳng; bèn sai Tam Pháp ty tra xét, xử Phủ doãn Trần Tú Đình bị cách lưu vì đã đánh giá rẻ sản vật của dân để đi đến dân đi kiện nhảm, Phủ thừa Nguyễn Văn Cẩn có ý bênh vực cho làm thì bị giáng 3 cấp, lưu. Người dân đánh trống để kêu bị phạt 100 trượng (76).

3.10. Các quan lại tâu hặc lẫn nhau

Các Ngự sử Nguyễn Xuân Cảnh, Nguyễn Quốc Hoan lại tâu hặc rằng Lễ bộ Thượng thư Phan Huy Thực lựa cử quan trường Hà Nội, phần nhiều là chỗ thuộc

liều (người làm quan dưới quyền mình), cháu họ là Phan Huy Sán được đỗ Tú tài, cháu gọi bằng cậu là Hoàng Đình Tá được đỗ Cử nhân, tựa hồ có ý gài gắm thiên tư... Vua ra lệnh cho bọn Thực cú thực tâu lên. Khi tờ tâu đệ lên rồi, vua cho là không biết xa tránh hiểm nghi, bèn giáng Thực xuống 1 cấp, phạt 3 tháng lương (77).

3.11. Chỉ dụ về việc tâu bày cần phải chính xác

Vua ra chỉ dụ: Dân ta vốn đủ lương tri lương năng, nên sống yên ổn, đừng nên ngờ sợ. Nếu có ai muốn đến Kinh lược đại thần tố cáo oan uổng thì phải là sự việc thực cần thiết, lợi hại mới cho phép được tự trình bày. Nếu kẻ nào dám đem trình những việc nhỏ nhặt không cần thiết, và vì vụ không hiểm thù thì cũng sẽ trị tội nặng (78).

3.12. Triều đình coi việc chép sử là một hình thức giám sát, phản biện

Vua bảo các thị thần rằng: Quốc thể không có gì trọng bằng sử, mà tài làm sử, chép sử, thực khó có người làm tốt được ... Sử để chép việc hay, việc dở của vua, để làm gương răn bảo đời sau... Những việc dù nhỏ như: “Người nước khác đến nước ta hoặc thấy người đi cấy nhường bờ, người đi đường nhường đường, chính sự công bằng, kiện tụng thanh thỏa mà khen ngợi, cố nhiên nên chọn lấy để ghi ở sử xanh...” (79).

3.13. Cơ quan chuyên giám sát phản biện cũng được đưa ra xét xử vì không làm tròn nhiệm vụ

Viện Đô sát, có nhiệm vụ là Đài ngự sử, kinh tra việc án, việc kiện, đã lâu vẫn không tìm ra sự thực, cũng là bất lực. Giao cả cho Bộ Lại nghị sử (80).

Tâu trình về trị tội tham nhũng - Viện Cơ mật tâu nói: Sau khi loạn lạc, tuyển bổ cần người, có khi không do khoa mục xuất thân, có khi phần nhiều tư cách không hợp,

những bọn tảo bạo cạnh tranh được tiến, mà tệ tham nhũng sinh ra, nên gần đây ở phủ huyện các hạt, trong đó nhiều người sách nhiễu để dân không được yên; vậy các tỉnh từ Thanh Hóa trở vào Nam xin do quan tỉnh xét rõ viên phủ huyện, người nào tham nhũng, tức thời phải hặc trị và người tư cách không hợp, tư lên Bộ Lại xét xử (81).

3.14. *Trương Quốc Dụng* *tâu về yêu cầu chỉnh đốn chính sự*

Phong thư dán kín trình bày 5 việc:

“1. *Xén tiêu dùng*: Bỏ xa xỉ theo kiệm ước, phẩm đồ châu ngọc không phải dùng. Chỉ cần bên chắc mặc mộc không trang sức lộng lẫy... thì đời sống của dân được dồi dào mà cội gốc của nước sẽ bền vững

2. *Thương việc hình ngục*: Triều đình dụng phép ngăn kẻ gian, răn kẻ ác, xá lỗi tha tội...

3. *Chọn lọc trong ngạch quan lại*: Triều đình dụng đặt đã đầy đủ, đặt quan dần dần nhiều thêm, mà gần đây những người hiếu sự hoặc có xin phân chia phủ huyện, đặt thêm quan lại, viên chức số lên đã nhiều, không khỏi sinh ra tổn nhiều ăn hại. Nay xin giảm bớt.

4. *Bớt văn thư*: Giấy tờ cần có thể lệ cốt yếu. Nếu giấy tờ nhiều mà không thêm lại viên thì không đủ người làm việc. Nên phẩm các giấy tờ chằm trước mà giảm bớt, bỏ phiên dờm mà dùng cốt yếu...

5. *Sửa lại thói quen của nhân sĩ*: Nhân sĩ học tập tất phải say mê về nhân nghĩa đạo đức rồi sau mới phát ra làm văn chương, lớn thì có thể sửa nước giúp dân, nhỏ thì có thể sửa mình chữa tục, mới là thực dụng. Nhân sĩ phải gồm văn và hạnh. Xin sắc chỉ xuống: chăm theo nghĩa lý, sửa lại cho khí hỗn hậu, duy trì cho nhân tâm phong tục các nơi được tốt” (82).

3.15. *Trương Đăng Quế, Nguyễn Tri Phương, Lâm Duy Thiếp, Nguyễn Đăng Giai, Phan Thanh Giản dâng sớ tự quở trách về việc không làm tròn trách nhiệm* (nhưng nội dung có ẩn ý phản biện với nhà vua)

“Nay bọn chúng tôi lại nắm giữ then chốt chính trị. Người giữ việc cốt nhắc thì không hay chọn lọc cho quan trường được trong sạch mà kẻ hay người dở chưa phân biệt được, người giữ tài chính thuế khóa, không hay tuyên dương lợi trạch mà bon vơ vét, đục khoét chưa trừ hết. Quý thần hưởng ở lòng thành, mà người coi việc tế lễ của nhà nước, không hay giữ hết lòng kính. Nhân tình không ai là không muốn nghỉ ngơi, mà người coi việc binh không biết thương dân khó nhọc; người coi việc hình pháp, không hay giữ lòng ngay thẳng, uốn nắn còn nhiều; người coi công việc làm, dụng làm trái lẽ, chưa hay khoan nhẹ sức người. Tìm ra cố, sở dĩ trái phạm khí hòa của trời, là bởi những thứ đó.

Bọn chúng tôi chưa biết làm ra thế nào, cúi mong chuẩn cho đem bọn chúng tôi hỏi về tội không làm tròn chức vụ, ngõ hầu hỏi lại lòng trời sớm cho mưa xuống để cho thỏa thiếp lòng mong của dân. Vua xem lời tâu cũng tự nhận lỗi, nhân dụ đại thần lấy ý vua tôi cùng kính sợ, khuyên răn lẫn nhau rồi kinh sư lại được mưa to, các tỉnh cũng tiếp tục báo tin được mưa” (83).

3.16. *Đình thần dâng sớ ngăn vua Tự Đức giảm bớt chơi bời để dân đỡ khổ* (Sớ mang tính chất đàn hặc)

Vua (Tự Đức) đi chơi nhà nghỉ mát ở sông Hương 5 ngày. Khi trở về khoa đạo dâng sớ can: (Đại lược nói: Thánh chủ sớm, tối có thường sở chơi, vui có thường kỳ; nay (bệ hạ) đi chơi lâu đến 5 ngày, thành rào che màn vây vải cách củng cố không được như nơi thành vàng ao nóng; bến sông

thông tuồng, đường đi nhiều ngã, sự nghiêm mật khác hẳn nơi thêm cao cung thăm, lại thêm đếm kể đến ngày, quân lính bộc lộ chỗ sương nắng, tưởng lòng thánh thượng cũng bất nhẫn. Từ này bề hạ bất thần có ngự chơi đâu, xin trong 1 ngày thì trở về. Vua bảo rằng: Nóng quá phải đi hóng mát... (84).

Vua Tự Đức hay đi chơi hành cung Thuận Trục sẵn bắn chim. Hoàng Tá Viêm dâng sớ can: "... Xa giá vua đi đến đâu, đằng trước, đằng sau phải trốn tránh, đã hại việc buôn, lại hại việc làm ruộng, quân sĩ theo hầu, hoặc phải dõng phải rên, hoặc rét sinh ốm, làm lụy đến đức tốt, chẳng cũng nhiều ư?

Vua bảo rằng: "... Ta bị bệnh uất không vui đã lâu, chỉ có cách tiêu khiển như thế mới làm được việc, cho nên không biết tội lỗi" (85).

3.17. Phản biện của dân bị vua trách phạt

Thời Nguyễn có người ở Nghệ An là Lê Diễm đón giá vua dâng nói 8 điều:

1. Cấm cùng họ không lấy được nhau; 2. Cấm tả đạo; 3. Lập thi võ; 4. Bàn phép thi văn; 5. Định việc đánh thuế của quan và bên; 6. Đối y phục.

Vua xem nói: "Từ trước đến nay mở rộng đường nói thật muốn biết hết nỗi khổ ở hương thôn, nếu kẻ dân mọn không danh vị, có biết đích thấy rõ việc gì, cho được cứ việc tâu thẳng, gián hoặc nửa trúng nửa sai, cũng không nỡ vội quở trách. Đến như việc lớn của nước không phải là thường dân được dự biết, là sợ làm hỗn hào lẽ phải của nước. Nay Lê Diễm dám đem việc phân phong và quân vụ là việc tối trọng đại mà nói bậy bàn càn, nếu khoan hồng mà tha thì sao cho nghiêm được hình pháp? Vậy giao xuống Bộ Hình nghiêm nghị". Rồi Diễm bị tội trăm giam hậu (86).

3.18. Từ phản biện đến phản ứng xã hội

Thống đốc Hoàng Tá Viêm tâu nói: "Cao, Lạng, Thái, Tuyên mấy năm nay bị giặc tàn phá, toàn do quan lại ở biên giới không khéo vỗ về mà ra. Ngay như bọn giặc nổi lên đã có câu: "Giết hết bọn quan lại tham ô" (87). Hình thức cao nhất là "phản biện bằng vũ khí chống đối lại triều đình", khiến có nhiều cuộc nông dân khởi nghĩa. Các công trình nghiên cứu về khởi nghĩa nông dân thời cận đại, tính tổng số từ Gia Long đến Tự Đức có tới hơn 400 cuộc khởi nghĩa của nông dân chống lại triều đình.

Nhìn chung lại, những tấu sớ dâng lên các vua chúa thời phong kiến, những lời đàn hặc các hôn quân, gian thần, nịnh thần, những lời lên án chỉ trích các thói hư tật xấu của vua và triều đình mà các trí thức phong kiến yêu nước thuộc các tổ chức nhà nước cũng như của nhân dân đã nói ở trên, đều là kết quả của sự giám sát, kiểm soát lâu dài của nhiều quan lại và nhân dân. Những nhà trí thức tiêu biểu đã tập hợp lại để phản biện lên vua và triều đình.

IV. Tổng kết lại

Có những đối tượng và mục tiêu giám sát, phản biện như sau:

1. *Giám sát, phản biện về hành vi, trách nhiệm của nhà vua*, đối tượng là các vị vua không anh minh như với Trần Dụ Tông, Lê Thái Tông, Lê Tương Dực, Mạc Mậu Hợp, Tự Đức.

2. *Giám sát, phản biện về quân sự* như của Trần Thủ Độ, Trần Hưng Đạo với các vua Trần trong kháng chiến chống Nguyên; của Lê Tích, Trương Đỗ phản ứng với vua Trần Duệ Tông khi vua quyết đi đánh Chiêm Thành bị tử trận.

3. *Giám sát, phản biện về kinh tế, văn hóa, xã hội* như của Lý Công Uẩn về việc dời đô, của Trương Hán Siêu về biến đạo

Phật thành mê tín dị đoan, của sử gia Lê Nghĩa về việc chép *Thực lục* như một thứ phản biện mong vua Lê Thánh Tông xem sử để tự sửa mình; của Bộ Công triều Nguyễn tâu về sử dụng ngôn ngữ Hán - Việt; của Đinh diên sứ Nguyễn Công Trứ tâu về trị an và khẩn hoang.

4. Giám sát, phản biện về cơ chế tổ chức và điều hành bộ máy nhà nước như của Lý Đạo Thành, Tô Hiến Thành thời Lý, của Ngô Chí Hoà và Lê Bát Tú thời Lê Thần Tông; của Trương Đăng Quế, Nguyễn Tri Phương, Lâm Duy Thiếp, Nguyễn Đăng Giai, Phan Thanh Giản về chính sự có chỗ đổ nát cần chỉnh sửa.

5. Giám sát, phản biện về trật tự, trị an như của Trương Quốc Dụng, Nguyễn Công Trứ cùng nhiều quan lại cấp tỉnh, huyện dâng lên triều Nguyễn về việc các quan lại che dấu giặc cướp, cường hào chiếm đoạt ruộng đất, của Nguyễn Duy Thì đời Lê Thế Tông, Lương Đắc Bằng đời vua Lê Tương Dực. Tất cả đều là khuyên can nhà vua tự sửa mình và sửa sang chính sự.

6. Giám sát, phản biện đối với các đối tượng lộng quyền, tham nhũng như của Chu Văn An thời Trần Dụ Tông, của Nguyễn Bình Khiêm, Giáp Hải thời Mạc Mậu Hợp, của Viện Cơ mật thời Nguyễn.

7. Các quan lại giám sát, phản biện, đàn hặc lẫn nhau tâu lên vua như của các Ngự sử Nguyễn Xuân Cảnh, Nguyễn Quốc Hoan về những hành vi sai trái của một số quan lại khác.

8. Quyền giám sát, phản biện của dân không được tôn trọng như một người dân ở Thừa Thiên đánh trống Đàng Văn kêu oan, vua quả trách, phạt đánh 100 trượng, quan Phủ doãn Thừa Thiên bị cách chức, hay của Lê Diễm ở Nghệ An đưa ý kiến có tính chất phản biện lên vua, bị vua xử án trăm giam hãm.

9. Từ giám sát, phản biện không đạt hiệu quả, dẫn đến phản ứng xã hội

Như lời tấu của Hoàng Tá Viêm về nông dân nổi dậy chống triều đình ở Thái Nguyên. Hay như nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân chống triều đình ở Thái Bình, Hải Dương mà vua phải sai Nguyễn Công Trứ, Lê Hoan, Hoàng Cao Khải đi đàn áp.

Như vậy, các vị vua anh minh của các triều đại xưa, sau khi nhận được các lời khải, các sớ tấu, lời tâu trình, dân hặc... đã đưa xuống bách quan bàn luận, xem xét, để chỉnh sửa chính sách, chế độ của triều đình và để điều hành các công việc vì lợi ích quốc gia và của nhân dân. Nhờ vậy, mà đã có những thời thái bình, thịnh trị, đẩy được xã hội tiến lên. Còn những vua chúa không anh minh thì chẳng những không thực hiện những yêu cầu được nêu ra trong các lời phản biện mà còn có khi phản bác lại hoặc trả thù, lên án, trị tội đối với những lời lẽ thẳng thắn của quần thần hoặc của thường dân.

V. Kế thừa di sản lịch sử về giám sát, phản biện

Qua thực tế lịch sử kể trên chúng ta có thể tự hào rằng trong truyền thống dựng nước và giữ nước, ông cha ta đã quan tâm xây dựng một cơ chế giám sát của nhà nước và muốn nghe tiếng nói phản biện trực tiếp hay gián tiếp của nhân dân để xây dựng đất nước, phát triển xã hội. Trong các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc hay bảo vệ độc lập dân tộc, những hành động phản bội dân tộc, nhượng bộ, hoặc đầu hàng kẻ thù đều bị phản đối, bị nhân dân lên án thông qua cơ chế giám sát, phản biện, theo thể thức phong kiến, như trên đã trình bày.

Nhà nước Cách mạng Việt Nam ra đời từ năm 1945 được xây dựng theo nguyên lý Chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí

Minh, là nhà nước “của dân, do dân, vì dân” nên coi trọng việc kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước, trọng dân. Trong truyền thống đó có việc xây dựng cơ chế tổ chức giám sát, phản biện, nhưng là làm theo tư tưởng lý luận và phương pháp mới có tính cách mạng. Đó là vừa có các cơ quan dân cử (Quốc Hội, Hội đồng nhân dân các cấp) và các cơ quan nhà nước như Ban Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, viện Kiểm sát... lại là vừa lắng nghe ý kiến nhân dân qua nhiều nguồn, nhiều kênh thông tin từ các tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng mà bao trùm nhất là Mặt trận dân tộc thống nhất.

Đảng có Ban Kiểm tra trung ương... Đặc biệt là các kỳ Đại hội Đảng, tất cả các đảng viên đều thông qua Đại hội Đảng bộ các cấp mà thảo luận, đóng góp ý kiến với Đại hội các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc. Điều đó cũng bao hàm ý nghĩa giám sát, phản biện với các hoạt động của Nhà nước và các nhà lãnh đạo Đảng về trách nhiệm với dân, với nước.

Ngay sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm cho thành lập Ban Thanh tra của Chính phủ. Ngày 14-11-1945, Hội đồng chính phủ đã ra Nghị định thành lập Ban thanh tra đặc biệt của Chính phủ, đứng đầu là cụ Bùi Bằng Đoàn và ủy viên là đồng chí Cù Huy Cận. Sắc lệnh thành lập Ban thanh tra đặc biệt ban hành ngày 23-11-1945, gồm 8 điều:

1. Giám sát tất cả các công việc và các nhân viên của Ủy ban Nhân dân và các cơ quan của Chính phủ.

2. Có toàn quyền:

- Nhận các đơn khiếu nại của nhân dân

- Điều tra hỏi chứng xem xét các tài liệu giấy tờ của Ủy ban Nhân dân hoặc các cơ quan của Chính phủ cần thiết cho công việc giám sát.

- Đình chức bắt giam bất cứ nhân viên nào trong Ủy ban Nhân dân hay Chính phủ đã phạm lỗi trước khi mang ra Hội đồng Chính phủ hay toà án đặc biệt xét xử.

- Ban thanh tra có thể truy tố tất cả các việc đã xảy ra trước ngày ban bố sắc lệnh này.

Như vậy, nhiệm vụ giám sát đã được thực hiện ngay khi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mới ra đời (ở điều 1).

Còn nhiệm vụ phản biện mà trong lịch sử gọi là tâu trình, xét hạch, đàn hặc thì nay ban thanh tra nhận đơn khiếu nại của nhân dân đồng thời xem xét các tài liệu giấy tờ của các cơ quan nhà nước rồi quyết định có những nhận xét, sửa đổi... (88).

Trong suốt cuộc kháng chiến trường kỳ chống Pháp, Ban Thanh tra Chính phủ liên tiếp được xây dựng mới, bổ sung thêm thành viên. Tháng 5-1950, Ban Thanh tra Chính phủ mới được thành lập mới do cụ Hồ Tùng Mậu là trưởng đoàn, đồng chí Trần Đăng Ninh làm ủy viên. Ban đã đi thanh tra, kiểm tra các liên khu kháng chiến. Phương châm làm việc như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo là: “Người đi kiểm tra thanh tra phải nghe bằng hai tai, phải nghe nhiều tiếng chuông, đồng thời phải đi sát thực tế “trăm nghe không bằng một mắt thấy”.

Một sự kiện nổi bật là đã được nghe ý kiến phản biện của nhân dân về vụ tham nhũng của Đại tá - Giám đốc Nha quân nhu Bộ Quốc phòng Trần Dụ Châu. Một đại biểu Quốc hội đã phát hiện và tố giác Trần Dụ Châu và đồng bọn phạm tội tham ô, quân phiệt trong quân đội. Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chính phủ và Bộ Quốc phòng đã chấp nhận lời phản biện của Ban Thanh tra Chính phủ. Ngày 5-9-1950, toà án quân sự tối cao đã mở phiên tòa xét xử và kết tội tử

hình với Trần Dụ Châu. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phê duyệt bản án (89).

Ban Thanh tra Trung ương còn nhận được nhiều thư khiếu tố. Những khiếu tố đều là những lời phản biện của nhân dân, cụ thể như năm 1957, Ban Thanh tra Trung ương đã nhận được 3.998 thư khiếu tố, chưa kể 2.037 người trực tiếp đến Ban Thanh tra khiếu nại (90). Một số trong những thư khiếu tố này mang ý nghĩa phản biện của đại chúng, cũng như trong lịch sử, các triều đại phong kiến đã đặt ra trống Đàng Văn để nghe nhân dân nói. Đến thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội trong toàn quốc từ 1975 trở đi, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã coi trọng việc này như Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nhấn mạnh:

“Tổ chức kiểm tra chặt chẽ và nghiêm túc sự hoạt động của các cơ quan nhà nước là biện pháp rất quan trọng để nâng cao hiệu lực của nhà nước. Cơ cấu kiểm tra bao gồm hệ thống tự kiểm tra trong bộ máy nhà nước, sự kiểm tra của Đảng và của các tổ chức quần chúng. Kiểm tra phải thành một cơ chế buộc từng tổ chức, từng cán bộ, từng người dân tuân thủ hiến pháp và pháp luật... Nhân dân sử dụng quyền của mình theo hiến pháp và pháp luật để đấu tranh với những hành động sai trái trong việc quản lý kinh tế, văn hoá, đời sống, buộc các cơ quan nhà nước thực hiện đúng và tốt quyền làm chủ tập thể của nhân dân” (91).

Đến thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhà nước coi trọng thanh tra nhân dân. Từ năm 1981 trở đi đã xây dựng các tổ chức thanh tra nhân dân và thanh tra công nhân tại các cơ sở. Có nhiều tỉnh thành trong cả nước thành lập được ban thanh tra tỉnh. Có tới 4.124 xã trên tổng số 8.147 xã đã thành lập Ban Thanh tra nhân dân. Tổng cộng năm 1981, trong cả nước có tới

hơn 17.660 ban thanh tra cơ sở với trên 367.000 cán bộ (92).

Từ năm 1981 cho đến năm 1986, tình hình thanh tra được thực hiện tốt đưa đến Nghị quyết đại hội VI của Đảng coi trọng công tác thanh tra theo phương châm mà Đại hội đề ra là nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật. Từ sau đại hội VI, thanh tra nhân dân đã nhận được nhiều ý kiến phản biện qua các đơn thư khiếu nại, tố cáo. Cụ thể năm 1987 đã có 172.291 đơn thư khiếu nại, tố cáo, trong đó có tới 12 cán bộ bị tố cáo là Bộ trưởng, Thứ trưởng hoặc cấp tương đương, 19 Bí thư, Chủ tịch tỉnh, thành phố, 78 cán bộ cấp cục, vụ, viện... (93).

Nhiệm vụ giám sát phản biện như vậy đã được thực hiện rộng rãi từ cấp cơ sở cho đến cấp trung ương. Nhờ vậy mà việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng về sự nghiệp đổi mới toàn diện trước hết là đổi mới tư duy đặc biệt là tư duy kinh tế đã đem lại hiệu quả to lớn. Tiếp theo Đại hội VI, Đại hội VII của Đảng, kể cả đại biểu đại hội giữa nhiệm kỳ khoá VII đã góp phần to lớn vào việc đổi mới tư duy nhờ thực hiện các vấn đề qua sự giám sát phản biện.

Trong việc xây dựng cương lĩnh và chiến lược của Đảng vào đầu những năm 90, công tác giám sát và phản biện đã góp phần tích cực vào việc thực hiện cương lĩnh và chiến lược. Cụ thể như riêng năm 1992, các ngành thanh tra đã đề xuất 4.480 kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý của các cấp, các ngành, các đơn vị trong đó có 78% số kiến nghị đã được tiếp thu sửa chữa. Đáng kể là có 289 kiến nghị đã được các bộ và ủy ban nhân dân các cấp chấp nhận bổ sung... (94).

Cho đến nay, sự nghiệp đổi mới thu được nhiều kết quả một phần là nhờ Đảng và Chính phủ đã phát huy dân chủ coi trọng ý

kiến của nhân dân. Tuy vậy, cho đến nay, hoạt động của Ban Thanh tra các cấp cũng mới là kiểm tra, thanh tra, giám sát và phản biện tới các cơ quan từ cấp Bộ trở xuống mà chưa làm được việc kiểm tra ngược lên tới các cơ quan phụ trách cao cấp như Chủ tịch nước, Chính phủ và Trung ương Đảng, tựa như trước kia có những lời tâu trình, dân hặc công khai đến cả nhà vua và triều đình. Hiện nay, các cuộc chất vấn trong Quốc hội cũng bước đầu thực hiện nhiệm vụ này.

VI. Những kinh nghiệm lịch sử và bài học lịch sử

Trong hơn nửa thế kỷ qua, tuy chúng ta đã kế thừa và phát huy được những mặt tích cực về giám sát, phản biện của ông cha, nhưng cũng còn có những thiếu sót nghiêm trọng.

1. Đáng kể nhất là sai lầm tả khuynh, duy ý chí trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức như Trung ương Đảng đã kiểm điểm và thừa nhận, nhưng việc nghe phản biện của cán bộ và nhân dân về việc này trong khi đang tiến hành còn chưa thật thỏa đáng. Cụ thể trong số cán bộ cao cấp của Đảng đã có một số đồng chí qua tiếp xúc thực tiễn (cũng có ý nghĩa là giám sát) có kiến nghị phản biện về chủ trương cải cách ruộng đất của Trung ương có yếu tố giáo điều làm theo công tác phản phong của Trung Quốc, tiêu biểu như đồng chí Trần Huy Liệu (xem Tạp chí *Xưa và Nay*, số 297, (XII-2007), trang 16-29).

Nhưng kiến nghị đó đã không được chấp nhận.

2. Tư duy chủ quan, duy ý chí, cho rằng: Có thể đưa quan hệ sản xuất tiên tiến lên trước để kéo theo lực lượng sản xuất (tuy còn khá lạc hậu) lên sau... đã đưa đến hai sai lầm:

a. Chủ trương tập thể hoá nông nghiệp một cách nhanh chóng, quyết định sớm đưa hợp tác xã từ thí điểm lên bậc cao phổ biến. Việc làm này đã nhận được ý kiến phản biện của cán bộ Trung ương và địa phương, thậm chí có những phản ứng tích cực chống hợp tác hoá một cách ồ ạt, nhưng những lời phản biện đó cũng không được chấp nhận lại còn có nơi thi hành sức ép từ trực tiếp đến gián tiếp... Sau này, sự tan rã của nhiều hợp tác xã nông nghiệp, nạn thiếu đói diễn ra, dẫn đến sự kiện khoán chui trong nông nghiệp. Đó là hậu quả cụ thể nhất của việc thiếu nghe ý kiến phản biện của cán bộ và nhân dân.

b. Chủ trương cải tạo xã hội chủ nghĩa trong công nghiệp cũng với tư duy muốn đưa quan hệ sản xuất tiên tiến lên trước rồi kéo lực lượng sản xuất lạc hậu lên sau một cách nhanh chóng qua cách mạng khoa học - kỹ thuật, nên đã quy nhiều chủ tiểu thủ công nghiệp ở Hà Nội và các tỉnh phía Bắc lên tư sản để cải tạo. Rồi sau lại muốn áp dụng biện pháp này ở miền Nam sau khi giải phóng, nhưng nhờ nghe phản biện của cán bộ và nhân dân miền Nam nên đã ngừng lại kịp thời. Mặc dầu vậy, cuộc cải tạo tư sản ở miền Bắc và bước đầu ở miền Nam cũng đã đưa lại sự giảm sút đáng kể nền công - thương nghiệp của cả nước.

Đơn cử mấy việc tiêu biểu kể trên chúng tôi muốn kết luận là:

Ông cha ta đã để lại di sản quý báu về tinh thần trọng dân, nghe sự giám sát, phản biện của nhân dân, nhất là ở các triều đại thịnh trị. Trong Cách mạng tháng Tám và trong hai cuộc kháng chiến, chúng ta đã biết kế thừa và phát huy những mặt tích cực của các di sản này. Còn những thiếu sót kể trên chúng ta cần tìm ở di sản tiêu cực của chế độ phong kiến (độc tài, độc đoán) và kinh tế tiểu nông (chủ quan, tả khuynh,

duy ý chỉ) đưa đến thiếu dân chủ, điều mà chúng ta luôn luôn đưa ra là phải cảnh giác để phòng...

Đối với cơ chế tổ chức trong hệ thống chính trị hiện nay thì di sản lịch sử kể trên có những điểm tích cực mà chúng ta đã kế thừa và phát huy.

Về tổ chức xưa gồm các cơ quan nhà nước như Hiến ty, Ngự sử đài, Viện Đô sát, các Giám nghị đại phu, thì ngày nay những cơ quan kể trên được thay thế bằng ban Thanh tra Chính phủ, và các Ban Thanh tra nhân dân, Viện Kiểm sát, bộ máy tư pháp và tổ chức luật sư...

Tuy vậy, chúng ta nên kế thừa và phát triển thêm ở những mặt dưới đây:

1. Chúng ta không theo chế độ đa đảng và cơ chế lưỡng viện như ở nhiều quốc gia tư bản chủ nghĩa hiện đại, nhưng trong hệ thống chính trị hiện nay cũng nên theo truyền thống ông cha xây dựng một cơ quan chuyên giám sát và phản biện công khai, dân chủ và có hiệu lực (như kiểu Ngự sử đài và Viện Đô sát xưa) với tên gọi và các chức danh mới. Cơ quan đó có trách nhiệm là: Nếu những chủ trương, chính sách do Nhà nước đề ra và thực hiện phạm sai lầm nghiêm trọng đến mức độ như mấy sai lầm đã diễn ra kể trên mà không sớm phát hiện và phản biện thì cơ quan đó phải chịu trách nhiệm.

2. Trong cơ chế giám sát và phản biện hiện nay, ngoài các tổ chức thanh tra, kiểm sát, tư pháp, nên xây dựng một cơ chế cho phép các ngành khoa được làm nhiệm vụ giám sát, phản biện và có trách nhiệm giám sát, phản biện về những lãnh vực có liên quan đến chuyên môn của mình, coi đó như một nhiệm vụ khoa học. Riêng ngành Sử học thì được tiếp cận với các hoạt động của Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội được làm nhiệm vụ như biên chép *Thực lục* thời

phong kiến (có thể với một tên gọi khác). Tất nhiên người chép *Thực lục* phải thật trung thực. Nhà nước có quy chế làm việc cho người chép *Thực lục* phải tuân theo. Ngược lại, Nhà nước, các nhà lãnh đạo cũng coi *Thực lục* như một loại hình giám sát, phản biện để nghiên cứu, chất lọc lấy những sự kiện chính xác, những ý và lời phản biện đúng đắn để sử dụng vào việc đổi mới tổ chức và cơ chế lãnh đạo, quản lý và thực hiện.

3. Tặng phong cho một số người trung thực được đại chúng nhân dân tín nhiệm chức hàm Giám nghị đại phu như xưa. Còn chức danh và nhiệm vụ thì có thể đổi mới cho phù hợp với hiện nay.

4. Đồng thời là phải tăng cường quyền hạn và nhiệm vụ giám sát và phản biện của các tổ chức chính trị và của nhân dân. Một vài thí dụ cụ thể như:

"Thứ nhất, Chỉ thị số 30/CT/TU của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở cần bổ sung quyền hạn giám sát, phản biện của nhân dân. Chỉ thị ghi là: "Mở rộng các hình thức tổ chức tự quản ở nhân dân, công nhân, cán bộ, công chức tự bàn bạc thực hiện trong khuôn khổ pháp luật những công việc mang tính xã hội hoá cao, có sự hỗ trợ của chính quyền, cơ quan, đơn vị (như việc xây dựng hương ước, quy ước làng văn hoá, xây dựng tổ hoà giải, tổ an ninh, phong trào vệ sinh môi trường, đền ơn đáp nghĩa, giúp đỡ người nghèo...)" (95). Như vậy, nhân dân chỉ phát huy dân chủ thực hiện nhiệm vụ dân chủ ở cơ sở trong tự quản mà chưa có cơ chế dân chủ về giám sát, phản biện đối với các cơ quan Nhà nước từ thấp đến cao. Cần bổ sung.

Thứ hai, Cơ quan dân nguyện ở Quốc hội hiện nên có thêm chức năng giám sát, phản biện.

Quyết định thành lập Ban Dân nguyện của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 17-3-2003 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban dân nguyện như sau:

- *Thứ nhất:* Tiếp công dân, chủ yếu là tiếp nhận để xử lý, theo dõi giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân.

- *Thứ hai:* Giúp Ủy ban Thường vụ Quốc hội phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri qua mỗi kỳ đại biểu Quốc hội tiếp xúc cử tri.

- *Thứ ba:* Tổng hợp tình hình, giải quyết đơn thư để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc

hội (96).

Như vậy là Ban Dân nguyện mới thụ động tiếp thu ý kiến của nhân dân vì bức xúc mà họ phải đưa lên chứ chưa chủ động đặt ra một định chế về quyền giám sát, phản biện của nhân dân đối với các cơ quan Nhà nước.

Đề tài này là mới mẻ, với khả năng có hạn, chúng tôi xin đưa ra kết quả sơ tầm, nghiên cứu bước đầu và chân thành, thẳng thắn trình bày những suy nghĩ, kiến nghị của mình, mong nhận được những ý kiến đóng góp của độc giả để bổ sung, sửa chữa.

CHÚ THÍCH

(55). *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ*, Nội các triều Nguyễn biên soạn. Nxb. Thuận Hóa, Huế in và phát hành, năm 1993, tập 14, tr. 70 - 71.

(56). (57), (58), (59), (60), (61), (62), (63), (64). *Như trên*, tr. 177, 191-192, 99-100, 120, 109, 115, 117, 121-122, 193-194.

(65). *Đại Nam Thực lục* (ĐNTL), tập V (Chính biên), Đế nhị Kỷ I, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1963, tr. 120-121.

(66). *ĐNTL*, tập XV, Chính biên 1834, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1965, tr. 369.

(67). *ĐNTL*, tập XVIII, Chính biên 1836, Nxb Khoa học xã hội, tr. 68, 69, 70.

(68). *ĐNTL*, tập 19, Chính biên 1837, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1968, tr. 215 - 216.

(69). *ĐNTL*, tập 19, Chính biên 1837, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1968, tr. 225.

(70). *ĐNTL*, tập XXX, Chính biên. 1863 - 1865, tr. 127 - 129.

(71). *ĐNTL*, tập XII, Chính biên, 1833, tr. 58-59.

(72). *Đại Nam Thực Lục*, tập I (Tiền biên), Nxb Sử học, Hà Nội, 1962, tr. 6-8.

(73), (74), (75). *ĐNTL*, tập IX, Chính biên, 1828 - 1829, tr. 32- 33, 104-105, 354.

(76). *ĐNTL*, tập XV, Chính biên, 1834, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1965, tr. 128.

(77). *ĐNTL*, tập XV, Chính biên, 1834, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1965, tr. 211.

(78). *ĐNTL*, tập XVIII, Chính biên, 1836, Nxb Khoa học xã hội, tr. 51.

(79). *ĐNTL*, tập XX, Chính biên, 1838, Nxb Khoa học xã hội, tr. 76.

(80). *ĐNTL*, tập 26, Chính biên (1846-1847), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, tr. 31.

(81). *ĐNTL*, tập 38, Chính biên, 1886-1888, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, tr. 29.

(82), (83), (84). *ĐNTL*, tập 27, Chính biên, 1848-1853, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973, tr. 59-62, 113-114, 379.

(85). *ĐNTL*, tập XXXII, 1870-1873, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975, tr. 25-26.

(86). *ĐNTL*, tập IX, Chính biên (1828 - 1829), tr. 176 - 177.

(87). *ĐNTL*, tập XXXII (1870-1873), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975, tr. 75.

(88). *Lịch sử thanh tra Việt Nam 1945 - 1955 sơ thảo*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 15-16.

(89), (90), (91), (92), (93), (94). *Lịch sử thanh tra Việt Nam 1945 - 1955 sơ thảo*, sdd, tr. 47-49, 67, 155, 178, 243, 293.

(95), (96). Tạp chí Mặt trận, số 50, tháng 12-2007, tr. 31, 11.